

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2021/DS-ST

Ngày 01- 12 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hương
2. Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 và ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn D, sinh năm 1976 (có mặt).
Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1987 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2021, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn D trình bày:* Ông làm chủ hụi ở địa phương.

- Vào ngày 01/4/2020, ông có mở dây hụi loại hụi 5.000.000 đồng, hụi này có 22 chung, mỗi tháng khai 01 kỳ. Bà Nguyễn Thị Ngọc T tham gia 01 chung. Bà T hốt hụi đầu tiên giá 1.900.000 đồng được số tiền 65.700.000 đồng. Sau khi hốt

hụi bà T đóng hụi chết đến ngày 01/11/2020 đã được 7 kỳ, từ đó đến nay không đóng nữa. Tính đến ngày khởi kiện bà T nợ ông 05 kỳ hụi chết, số tiền 25.000.000 đồng. Hụi mãn vào ngày 01/01/2022 đã.

Ngày 26/4/2021, Tòa án tiến hành làm việc ghi ý kiến của ông, ông xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, ông xác định hụi này chưa mãn nên yêu cầu bà T trả cho ông 05 kỳ hụi chết, số tiền 25.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập (niêm yết) hợp lệ nhiều lần, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T đều vắng mặt không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa ông D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà T nợ ông 12 kỳ hụi chết, với số tiền 60.000.000 đồng. Đối với việc bà T nợ ông 03 kỳ còn lại do hụi chưa mãn thì ông với bà T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ liên tiếp theo đến khi hụi mãn bà T không thực hiện thì ông có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định. Về nội dung: Tại đơn khởi kiện ông D yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 75.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện do hụi chưa mãn, tính đến ngày xét xử hụi đã chết được 12 kỳ, số tiền 60.000.000 đồng, còn 03 kỳ hụi mãn thì ông đồng ý thực hiện nghĩa vụ tiếp theo. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 244 chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần khởi kiện. Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền 60.000.000 đồng đề nghị HĐXX áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự, Nghị Định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phượng. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả số tiền 60.000.000 đồng. Án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Do bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T có nơi cư trú tại khóm 7, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp: Nợ

tiền hui, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Ngọc T nhưng bà T đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt bà T theo quy định. Bà T không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Theo ông D trình bày, bà T có tham gia 01 chung hui trong dây hui do ông làm chủ. Hui loại 5.000.000 đồng mở ngày 01/4/2020 âl. Tính đến ngày khởi kiện thì dây hui này chưa mãn nhưng do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trong giao dịch hui nên ông khởi kiện yêu cầu bà T trả. Ngoài ra dây hui này còn 03 kỳ chưa mãn buộc bà T tiếp tục cam kết thực hiện nghĩa vụ tiếp theo.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa, ông D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với 03 kỳ hui chưa mãn (hui mãn vào ngày 01/01/2022âl). Ông chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông 12 kỳ hui chết, số tiền 60.000.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử ông D có cung cấp cho Tòa án danh sách hui viên của dây hui nêu trên và giấy giao hui ngày 17/4/2020 âl, có xác nhận của Ban nhân dân khóm 7. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh ghi lời khai của ông Lê Văn Thành ký xác nhận nội dung giao hui (hót hui), đơn xác nhận việc bà T có hộ khẩu thường trú ở khóm 7, thị trấn Sông Đốc nhưng hiện nay đã bỏ địa phương đi.

Xét, các bên giao dịch hui giữa ông D với bà Nguyễn Thị Ngọc T là thực tế có xảy ra. Mặc dù bị đơn vắng mặt nhưng qua xác minh các lời khai của người làm chứng bà Định Thị Nhiều, ông Phạm Văn Thắng có biết bà T tham gia 01 chung hui do ông D làm chủ và đã hót hui đầu ông D đã giao tiền hui cho bà T. Do đó, căn cứ vào giấy giao hui ngày 17/4/2020âl và lời xác nhận của ông Lê Văn Thành, các hui viên là có cơ sở làm căn cứ chứng minh được quy định tại khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, cũng như lời xác nhận của ông Thành tại biên bản ghi lời khai ngày 03/6/2021

và lời trình bày của các hội viên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với đây hội ngày 01/4/2020 ả, hội mả vào ngày 01/01/2022ả, nghĩa vụ tiếp theo còn lại 03 kỳ, ông D với bị đơn tiếp tục thực hiện nếu không thỏa thuận được ông có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[4] Tại phiên tòa Đại diện Viên kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng. Xét đề nghị của đại diện Viên kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền mà nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 95, Điều 98, Điều 99 khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 196, Điều 205, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210, khoản 1 Điều 220, Điều 244, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T trả cho ông Phạm Văn D, số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày ông Phạm Văn D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Ngọc T không thi hành xong khoản tiền trên, bà Nguyễn Thị Ngọc T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*); ông Phạm Văn D không phải chịu án phí. Ngày 18/3/2021 ông D có

dự nộp 1.875.000 đồng theo lai thu số 0004764 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công